

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19		
5199	38	Đào Văn Tình	01/01/38		278046003	49/4 kp Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5200	39	Đinh Thị Lan		01/01/32	270228558	146 tổ 8 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5201	40	Đinh Văn Hưng	01/01/33		272139084	145 Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5202	41	Đỗ Duy Mậu	01/01/29		063266084	11 tổ 7 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5203	42	Đỗ Thị Đạt		10/20/37	038137000086	39/G kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5204	43	Đoàn Thị Chín		01/01/37	272870314	175 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5205	44	Đoàn Thị Khánh		01/01/32	270155564	Tổ 5 Kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5206	45	Đoàn Thị Ràn		01/01/36	270747660	239, KP Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5207	46	Đoàn Thị Triện		01/01/34	270690235	E19 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5208	47	Dương Thị Mai		01/01/35	272536021	44D/7 kp Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5209	48	Dương Thị Nhuệ		01/01/31	272298824	41/1 KP Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5210	49	Dương Văn Thông	10/10/30		160278619	68/30 tổ 5 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5211	50	Hà Thị Linh		01/01/37	270171323	117 kp Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5212	51	Hà Thị Lộc		01/01/28	270489646	KP Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5213	52	Hà Thị Luyến		01/01/37	270171424	205 tổ 7 long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5214	53	Hà Thị Nhung		01/01/34	270171332	200 KP Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5215	54	Hà Thị Thanh		01/01/30		170 tổ 6 KP Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5216	55	Hà Văn Hai	01/01/33			48/1 Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5217	56	Hồ Quang Lãng	01/01/39		272794057	71/18/22 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5218	57	Hồ Thị Mới		01/01/39	270171474	312 kp Long Điểm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5219	58	Hồ Thị Sen		01/01/37	272201663	41 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5220	59	Hoàng Thị Lân		01/01/30	270111785	KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5221	Hoàng Thị Lý		01/01/39	272926574	556A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5222	Hoàng Thị Thanh		01/01/22		A10 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5223	Hồng Thị Bê		01/01/37	270165820	144 kp bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5224	Hứa Thị Liếp		01/01/34	270632667	8 KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5225	Huỳnh Thị Hai		01/01/37	270171269	92 Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5226	Huỳnh Thị Hiền		01/01/33	366161057	Tổ 10 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5227	Huỳnh Thị Mai		01/01/36	270171017	46, KP Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5228	Huỳnh Thị Yến		01/01/26		83 tổ 32 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5229	Huỳnh Văn Kiêm	01/01/32		270250053	244 KP Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5230	Huỳnh Văn Lài	01/01/32		270167548	59/8 Kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5231	Lê Thị Bì		04/20/40	272993658	601/30/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5232	Lê Thị Chất		01/01/37	270034497	10/C4 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5233	Lê Thị Dền		01/01/26	271593067	21/D2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5234	Lê Thị Huệ		01/01/40	270171046	61 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5235	Lê Thị Lùng		01/01/34	270165748	112 KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5236	Lê Thị Mai		01/01/38	270171578	250 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5237	Lê Thị Này		01/01/36	270171645	299, Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5238	Lê Thị Phán		03/03/37	145730166	24A/P2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5239	Lê Thị Tèo		01/01/40	251057531	10/P1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5240	Lê Thị Thêu		01/01/32	181756761	82 HV KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5241	Lê Thị Tuất		01/01/34	141077860	77 tổ 5 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5242	Lê Thị Út		01/01/33	270165849	173 KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5243	Lê Thị Út		01/01/26	170495160	177B tổ 5 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
5244	83	Lê Văn Gieo	01/01/38		270171673	308 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5245	84	Lê Văn Thái	01/01/38		270747250	111 tổ 5 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5246	85	Lữ Châu Đất	01/01/29		272086108	82/D1 To63, Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5247	86	Lương Văn Toàn	04/04/38		271609591	K23 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5248	87	Lưu Châu	09/21/34		270771628	17 tổ 11, kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5249	88	Mai Thị Hồng	01/01/34		272309264	KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5250	89	Mai Xuân Nụ	01/01/37		270171184	143 kp long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5251	90	Nghiêm Thị Phương	01/01/27		169979522	44 tổ 6 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5252	91	Ngô Hoàng Muôn	01/01/37		364117069	tổ 14 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5253	92	Ngô Thành Long	01/01/40		272310955	tổ 20 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5254	93	Ngô Thị Dư	01/20/36		380026095	tổ 30 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5255	94	Ngô Thị Minh	01/01/21			KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5256	95	Ngô Thị Nhi	02/01/30		142930889	314 tổ 2 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5257	96	Ngô Thị Quyên	06/15/39		270166998	32 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5258	97	Nguyễn Cương	01/01/31		272437826	KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5259	98	Nguyễn Đình Ngọc	01/01/37		270171432	220 tổ 6 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5260	99	Nguyễn Dung Ninh	04/05/22		110500872	54/25 tổ 11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5261	100	Nguyễn Hoàng Vàng	01/01/28		270122475	347 tổ 22 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5262	101	Nguyễn Quang Huỳnh	01/01/34		120222013	69A tổ 35A KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5263	102	Nguyễn Thị Ba	01/01/36		270165965	Lô 55, It5, kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5264	103	Nguyễn Thị Bảy	01/01/32		270094483	499 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5265	104	Nguyễn Thị Bích	01/01/37		272568885	7/F7 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5266	105	Nguyễn Thị Biền	01/01/37			tổ 28 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5267	Nguyễn Thị Bông		01/01/35	270171168	26D3 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5268	Nguyễn Thị Chánh		01/01/32	270148443	04 Kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5269	Nguyễn Thị Châu		01/01/30		28/C1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5270	Nguyễn Thị Chính		01/01/31	130349418	27 tổ 31 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5271	Nguyễn Thị Cúc		01/01/31	270079443	234 HF KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5272	Nguyễn Thị Đào		01/01/40	270171201	11 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5273	Nguyễn Thị Đèo		01/01/35	271348463	89/4 Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5274	Nguyễn Thị Gái		02/23/34	270165988	92/3 Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5275	Nguyễn Thị Gấm		01/01/31	270296091	165 Tổ 8, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5276	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/38	270165928	56 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5277	Nguyễn Thị Hạnh		03/04/40	270171014	20B kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5278	Nguyễn Thị Hoa		01/01/40	272326827	tổ 13 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5279	Nguyễn Thị Hoàn		01/01/32	181171161	3/11 Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5280	Nguyễn Thị Hoi		01/01/39	270171521	309 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5281	Nguyễn Thị Hớn		01/01/32	272535399	Tổ 3 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5282	Nguyễn Thị Hồng		10/20/33	272709509	610 tổ 13 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5283	Nguyễn Thị Hưng		01/01/37	270171390	2/9 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5284	Nguyễn Thị Khâu		01/01/30	272646131	KP Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5285	Nguyễn Thị Kim Tuyền		01/01/38	010290038	1/6/39 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5286	Nguyễn Thị Lài		01/01/35	270171550	258 Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5287	Nguyễn Thị Lài		10/12/37	271990685	20B/P1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5288	Nguyễn Thị Lang		01/01/36	272419180	KP bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5289	Nguyễn Thị Lệ		10/20/36	270171577	239 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5290	Nguyễn Thị Luật		05/05/39	272780656	25A3/280 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5291	Nguyễn Thị Mèo		01/01/38		53 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5292	Nguyễn Thị Mượng		01/01/32	270084861	52 tổ 5 Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5293	Nguyễn Thị My		01/01/35	270046440	85 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5294	Nguyễn Thị Năm		01/01/37	270155291	tổ 5 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5295	Nguyễn Thị Năm		01/01/33	270155291	189 ấp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5296	Nguyễn Thị Ngoan		01/01/30	272369048	KP Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5297	Nguyễn Thị Nhím		01/01/40	270165709	109 kp Bình Duong	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5298	Nguyễn Thị Nhụ		01/01/32	272417262	26 HV Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5299	Nguyễn Thị Nụ		01/01/37	160371935	68/30 tổ 5 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5300	Nguyễn Thị Nữa		01/01/38	270165734	134 kp Bình Duong	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5301	Nguyễn Thị Phẩm		01/01/37	270165927	553/1 tổ 29 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5302	Nguyễn Thị Phong		08/14/36	270171363	174 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5303	Nguyễn Thị Phụng		01/01/35	320045221	225 Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5304	Nguyễn Thị Quyến		01/01/36	272600956	27A tổ 14 kp Bình Duong	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5305	Nguyễn Thị Rộng		01/01/34	334890996	Tổ 29 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5306	Nguyễn Thị Sỹ		01/01/31	184123560	18/1 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5307	Nguyễn Thị Tám		01/01/26		48/11 KP Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5308	Nguyễn Thị Tánh		01/01/27	272378151	25B KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5309	Nguyễn Thị Thành		01/01/36	270171485	244, Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5310	Nguyễn Thị Thọ		01/01/37	270165740	02/3D2 kp Bình Duong	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5311	Nguyễn Thị Thuận		01/01/37	270155321	37/5 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5312	Nguyễn Thị Toàn		01/01/39		29A kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5313	Nguyễn Thị Tới		01/01/36		428, kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5314	Nguyễn Thị Trang		01/01/27		50 KP Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5315	Nguyễn Thị Trúc		01/01/38		95 tổ 4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5316	Nguyễn Thị Tư		01/04/37	220275104	540/1, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5317	Nguyễn Thị Tùng		01/01/39	270171381	235 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5318	Nguyễn Thị Tuyền		01/01/35		235 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5319	Nguyễn Thị Ty		01/01/31		88 tổ 31 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5320	Nguyễn Thị Tý		01/01/36		221HF, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5321	Nguyễn Thị Vân		02/25/30		47B kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5322	Nguyễn Thị Vượng		01/01/35		61E Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5323	Nguyễn Thị Vy		01/01/30		Tổ 18 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5324	Nguyễn Thị Yêm		09/10/38	180333331	537F kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5325	Nguyễn Tiến Thọ	02/02/37		271546988	85/Q3, KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5326	Nguyễn Văn Ba	01/01/29			54/4 Kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5327	Nguyễn Văn Be	02/22/39		271483639	18/L2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5328	Nguyễn Văn Bộ	01/01/40		270165870	174 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5329	Nguyễn Văn Danh	01/01/31			KP Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5330	Nguyễn Văn Đệ	04/15/38		270219580	5 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5331	Nguyễn Văn Đệ	02/13/37		270062552	405A kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5332	Nguyễn Văn Đồng	01/01/30			54/1 tổ 1 KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5333	Nguyễn Văn Đực	01/01/38		270165927	56 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5334	Nguyễn Văn Kỳ	01/01/35			252 Kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5335	Nguyễn Văn Luông	01/01/39			46 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5336	Nguyễn Văn Mai	01/01/31			21/4 KP Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5337	Nguyễn Văn Minh	02/20/37		270092084	01 tổ 1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5338	Nguyễn Văn Nghệ	01/01/40		270963965	210 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5339	Nguyễn Văn Tài	01/01/25			112 KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5340	Nguyễn Văn Thiện	10/12/39		270171493	230 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5341	Nguyễn Văn Trai	01/01/40		270165720	164 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5342	Nguyễn Văn Viện	06/01/38		270171342	235 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5343	Ô Thị Lô		01/01/27		10/413 KP Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5344	Phạm Bình Minh	11/11/39		272358642	395/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5345	Phạm Minh Chính	01/01/31			54/17 Kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5346	Phạm Ngọc Chung	04/15/36		010290033	1/6/39 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5347	Phạm Thành Song	01/01/29			16/31 tổ 15 KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5348	Phạm Thị Bảo		01/01/32		39 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5349	Phạm Thị Chắt		01/01/38		223 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5350	Phạm Thị Doi		09/09/38	190535030	tổ 17 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5351	Phạm Thị Hiền		01/01/32		184 KP Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5352	Phạm Thị Khài		06/15/35		573/2 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5353	Phạm Thị Lương		07/06/36		244B HF kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5354	Phạm Thị Niềm		01/01/31		231 Kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5355	Phạm Thị Ô		01/01/34		KP Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5356	Phạm Thị San		01/01/31		232 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5357	Phạm Thị Tâm		01/01/37	272834354	KDC Hương Lộ 10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
5358	197	Phạm Thị Thùy Trang		01/01/39	276012547	268B kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5359	198	Phạm Thị Tuyên		01/01/38	140323468	231HF kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5360	199	Phạm Văn Biên	01/01/30		30C2 KP1		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5361	200	Phạm Văn Tiểu	01/01/22		KP Long Diêm		NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5362	201	Phan Thị Ngộ.		01/01/26		30 tổ 1 KP Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5363	202	Phan Văn Khiêm		01/01/36		42, tổ 1, kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5364	203	Phùng Văn	01/01/35			29 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5365	204	Thái Thị Chăng		01/01/39	270125774	44A kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5366	205	Trần Bá Nụ	01/01/26		270690264	E19 tổ 26 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5367	206	Trần Công Nhứt	01/01/35		271116187	20 kp Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5368	207	Trần Kim Dung		01/01/40	272178919	44AD3 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5369	208	Trần Thị Bê		01/01/39	270165767	136 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5370	209	Trần Thị Bông		01/01/35		28/17 Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5371	210	Trần Thị Đảng		01/01/36		69A, tổ 35 A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5372	211	Trần Thị Đẹp		01/01/39	270032455	469/2/4 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5373	212	Trần Thị Được		02/05/33		61 Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5374	213	Trần Thị Giàu		01/01/35		267 Long Diêm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5375	214	Trần Thị Hiền		05/06/31		17B kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5376	215	Trần Thị Hoàng		01/01/37	270165657	85 kp Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5377	216	Trần Thị Hồng		02/05/36		99B kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5378	217	Trần Thị Hữu		01/01/28	17B kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5379	218	Trần Thị Khả		01/01/36	22, Bình Dương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5380	219	Trần Thị Liên		07/15/39	tổ 16 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5381	220	Trần Thị Lùng		02/01/39	279 kp Long Diễm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5382	221	Trần Thị Mè		01/01/38	64 kp Long Diễm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5383	222	Trần Thị Nguyệt		10/20/32	55/6 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5384	223	Trần Thị Nhanh		01/01/35	303 Long Diễm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5385	224	Trần Thị Nhiều		06/05/35	47 Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5386	225	Trần Thị Sầu		01/01/31	197/Q1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5387	226	Trần Thị Suy		01/01/35	208 HF tổ 11 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5388	227	Trần Thị Thê		01/01/38	115 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5389	228	Trần Thị Út		07/05/39	71 kp Long Diễm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5390	229	Trần Thị Vinh		01/01/37	207 tổ 30 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5391	230	Trần Trọng Quỳnh		02/13/40	4 KP Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5392	231	Trần Văn Nhứt		01/01/25	38 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5393	232	Trần Văn Phiến		12/25/38	294 kp Long Diễm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5394	233	Trần Văn Thê		02/05/37	95 tổ 6 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5395	234	Trần Văn Thi		01/01/40	12E tổ 7 kp long	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5396	235	Võ Thị Dệt		01/01/37	Diễm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5397	236	Võ Thị Nhỏ		270171518	119 kp Long Diễm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5398	237	Võ Thị Thanh		270165952	279 KP Long	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5399	238	Võ Văn Lễ		01/01/33	Diễm	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5400	239	Vũ Thị Chín		01/01/39	99/23 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5401	240	Vũ Thị Kim Liên		07/15/38	272372362	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5402	Vũ Thị Sâm		01/01/27		KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5403	Vũ Thị Tín		11/11/38	113720997	37-38/1 kp Long Điền	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5404	Vũ Thị Vững		01/01/37	272546669	41A kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5405	Vũ Thị Vương		08/05/25	171839969	31A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5406	Vũ Văn Hợi	10/01/39		272646713	tổ 17 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5407	Vũ Xuân Lễ	02/05/40		270155664	17 kp Thái Hòa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5408	Vy Văn Phương	06/18/33			59A/4 tổ 4/2 Long Điền	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5409	Trần Văn Hòa	10/10/67			487 kp2	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	300.000	1.500.000	
5410	Cao Anh Tú	08/27/81		272122835	2/G kp1	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
5411	Nguyễn Phú Cường	01/01/75		271266073	542C kp3	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
5412	Nguyễn Thị Hoa		10/16/77	272379981	240A kp Thái Hòa	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
5413	Phạm Thị Tinh		10/10/84		37B kp3	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
5414	Phan Thị Hồng Lan		04/12/71		54/20 tổ 11 kp Bình Dương	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
5415	Bùi Trần Yến Nhi		01/01/03		49 tổ 19 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5416	Cao Thị Thanh Thanh		01/01/72		12/4 KP Long Điền	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5417	Cao Thị Thu Nga		04/14/63	270155505	44 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5418	Cù Duy Tân	01/01/03		272992868	582 Tổ 32 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5419	Đào Thị Ánh Ngọc		03/27/93	272436598	331, KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5420	Đào Thị Lan		01/01/75	141813017	377 tổ 10 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5421	Đào Văn Hường	01/01/62		272783128	tổ 3 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5422	Đậu Đình Đức	11/20/03			Tổ 28 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5423	Đinh Kiến Quốc	05/24/01			246 tổ 7 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5424	Đinh Thị Ngọc Trang		01/01/90	272926684	31 tổ 5 KP Long Diêm	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5425	Đỗ Thị Nhân		04/18/73	272409754	192 Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5426	Đoàn Đức Liêm	01/01/81		272143399	Tổ 18 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5427	Đoàn Văn Năm	02/12/92		272927675	16 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5428	Đoàn Văn Thanh	06/12/89		164490554	16 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5429	Dương Tường Khang	01/01/02			14 tổ 31 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5430	Hồ Đức Minh	01/01/75		272298839	120/Q2 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5431	Hồ Thị Ngọc		10/10/77	271744764	24/D2 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5432	Lê Hoàng Long	01/01/80		271380910	46/9 KP Long Diêm	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5433	Lê Huỳnh Như Ý		02/14/00		69A tổ 32 Kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5434	Lương Nguyễn Vương Anh	01/01/00			E36 tổ 36 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5435	Ngô Minh Đức	01/01/98		272709715	Tổ 3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5436	Nguyễn Hoàng Châu	12/01/93		272558000	78 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5437	Nguyễn Hoàng Dang	01/01/84			65/25 tổ 3 KP Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5438	Nguyễn Minh Phương	11/16/66		211149481	tổ 13 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5439	Nguyễn Phúc Hưng	09/22/03			90/1 tổ 11 KP Bình Dương	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5440	Nguyễn Tấn Luật	08/03/81		272895297	tổ 11 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5441	Nguyễn Thị Duyên		01/01/76		Tổ 35 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5442	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/85		242 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5443	Nguyễn Thiện Thành	02/25/01			P2/24A kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5444	Nguyễn Tiến Hà	02/22/79			43B tổ 3 Kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5445	Nguyễn Toàn Thắng	05/01/82			46C/4 kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5446	Nguyễn Trường Huân	01/01/85			10/B2 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5447	Nguyễn Văn Lớn	12/25/68			102 Long Diêm	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5448	Nguyễn Văn Tân	11/02/97			tổ 14 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5449	Nguyễn Văn Tú	07/27/78		271380941	210 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5450	Nguyễn Xuân Vù	05/25/86			55 tổ 34 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5451	Phạm Trà My		01/01/98		99/32 tổ 7 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5452	Phạm Tuấn Cường	01/01/85			454 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5453	Phạm Tuyết Trinh		01/01/93		99/32 tổ 7 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5454	Phạm Minh Tiến	01/01/98			KP Bình Dương	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5455	Phan Thị Thu Hà		01/01/94		176 tổ 8 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5456	Tô Kim Trúc		08/30/88		tổ 2 Long Điền	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5457	Trần Hà Phương	02/18/04			12/1 tổ 16 KP Bình Dương	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5458	Trần Hữu Giáo	12/09/71			159 kp Long Điền	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5459	Trần Hữu Tài	08/11/03			516 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5460	Trần Minh Hùng	04/20/81		272763524	257 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5461	Trần Quốc Tuấn	07/01/71			904 Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5462	Trần Thị Lan Anh		03/28/03		114/7B kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5463	Trần Thị Ngọc Hiếu		03/25/83		904 Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5464	Trần Thị Vân		07/21/94		236B tổ 7 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5465	Trần Thị Yến Loan		06/13/65		74/9 kp Long Điền	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5466	Trần Văn Vượng	01/01/64		271103581	104 kp Thái hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5467	Trương Hồng Nam	10/16/69			44a tổ 7 kp Long Điền	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5468	Vòng A Bình	01/01/70			112 áp Long Điền	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5469	Vũ Hoàng Phong	04/15/81			192 Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5470	Vũ Thị Hương		05/24/98		538/22 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5471	Vũ Xuân Hiếu	08/14/86			266 đường Nguyễn Văn Tò, kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5472	Vũ Xuân Lộc	08/26/77			192 Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5473	Bùi Văn Quân	01/01/44		272069090	36/8 KP Long Điền	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5474	Bùi Văn Thông	06/03/52		271712521	268B kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5475	314 Cao Thị Khen		01/01/43	270155614	tổ 4 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5476	315 Đàm Văn Minh	01/30/60		270032654	4 tổ D3 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5477	316 Đặng Thị Téo		01/01/40	272987875	25A/280 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5478	317 Đào Thị Lúa		1944	272329200	tổ 4 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5479	318 Đào Thị Soạn		03/15/60	270155477	kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5480	319 Đậu Văn Nhuận	09/12/42		180665582	381 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5481	320 Giang Thị Ngọc Xuân		01/01/42	270239857	kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5482	321 Hoàng Thị Niên		01/01/37	270747286	288 tổ 5 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5483	322 Huỳnh Thị Lớn		01/10/47	271103460	212 kp Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5484	323 Huỳnh Thị Tý		01/01/44	270165670	90A/2 kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5485	324 Lê Thị Quýt		01/01/36	270068901	347 tổ 22 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5486	325 Lê Xuân Thái	07/27/53		272599950	13 C5 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5487	326 Lương Thị Lang		01/01/29	270079229	48/5 KP Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5488	327 Lưu Minh Đức	02/20/50		272446026	133 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5489	328 Ngô Kim Ánh		01/01/35		553 tổ 30 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5490	329 Nguyễn Đức Hải	11/02/59		270590458	C37 tổ 26 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5491	330 Nguyễn Đình Ôn	02/01/41		160788835	69A/4 kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5492	331 Nguyễn Thị Ánh		01/01/28	130167495	49 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5493	332 Nguyễn Thị Chính		01/01/21	270165743	KP Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5494	333 Nguyễn Thị Hoa		01/01/23	270155314	Tổ 9, KP Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5495	334 Nguyễn Thị Hoa		02/16/53	270155167	kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5496	335 Nguyễn Thị Kim Hoa	01/01/45		272539592	168 tổ 4 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5497	336 Nguyễn Thị Kim Phụng		01/09/60		236 kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5498	337 Nguyễn Thị Loan		01/01/41	270171273	148 kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5499	Nguyễn Thị Nhịn		01/01/37	365092749	21 kp Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5500	Nguyễn Thị Nhủ		01/01/41	160788801	69A/4 kp Long Điền	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5501	Nguyễn Thị Phụng		01/01/39	270226970	kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5502	Nguyễn Thị Thảo		10/09/57	271788042	tổ 23 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5503	Nguyễn Thị Tiên		09/07/53	270155529	184 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5504	Nguyễn Văn Bực	09/23/42			119 tổ 2 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5505	Nguyễn Văn Cựơc	01/01/26			Kp Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5506	Phạm Thị Trai		01/01/42		801 kp Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5507	Phan Văn Vinh	01/01/55			28 Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5508	Tăng Tài	01/01/49		270165877	13 kp Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5509	Trần Quang Cường	01/01/55		272398975	540 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5510	Trần Thị Diệu		02/10/55	270046836	147 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5511	Trần Văn Đa	05/12/40			tổ 19 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5512	Trần Văn Vóc	01/01/46			904 Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5513	Võ Tấn Cường	07/19/57		272097323	kp Long Điền	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5514	Võ Thị Sáu		01/01/28	270160228	47/13 KP Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5515	Vũ Văn Điền	03/01/39		034039000546	4/G1 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5516	Bùi Thị Ngọc Diệp		02/11/14		53/A1 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5517	Bùi Thủy Hằng		05/17/05		537I/9 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5518	Đặng Lê Tuấn Kiệt	08/07/07			30 tổ 5 KP2 (Tạm trú)	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5519	Đỗ Gia Nguyễn	02/23/11			70/1 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5520	Đỗ Thanh Nam	09/22/05			155 Long Điền	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5521	Đỗ Thanh Việt	09/22/05			155 Long Điền	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5522	Đoàn Lê Minh	11/25/15			47/9 kp Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5523	Hoàng Anh Gia Huy	01/01/10			58A tổ 4 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5524	363	Hoàng Thiên Phú	02/23/12		48/48 kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5525	364	Huỳnh Thiện Phước	01/11/12		326/7 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5526	365	Lê Hà Minh Nhật	08/27/08		68/26 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5527	366	Lê Thị Mỹ Tâm		09/22/10	Tổ 24 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5528	367	Lương Nguyễn Khang	01/24/16		24A kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5529	368	Ngô Thị Minh Trang		11/07/11	39/G kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5530	369	Nguyễn Bảo Khang	11/22/08		100B tổ 6 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5531	370	Nguyễn Đình Thái	05/06/05		69A/4 Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5532	371	Nguyễn Đình Thọ	10/09/13		34/1 tổ 28 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5533	372	Nguyễn Đình Vương	12/31/12		526/1 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5534	373	Nguyễn Gia Bảo	02/11/10		tổ 18 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5535	374	Nguyễn Hoàng Bách	04/21/07		44B/7 Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5536	375	Nguyễn Hoàng Lâm	09/09/16		3/2 kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5537	376	Nguyễn Hoàng Phúc	09/15/06		233 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5538	377	Nguyễn Hoàng Quế Chi		03/29/16	58D/4 kp Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5539	378	Nguyễn Hồng Tường Vy		06/17/09	70/2 Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5540	379	Nguyễn Hữu Khang	10/23/11		Tổ 14 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5541	380	Nguyễn Hữu Tài	12/17/07		KP Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5542	381	Nguyễn Lê Bảo Thu		10/26/06	tổ 14 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5543	382	Nguyễn Lê Mỹ Duyên		01/01/06	46/9A Long Diêm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5544	383	Nguyễn Minh Đăng	01/26/14		91/1 kp Bình Dương	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5545	384	Nguyễn Quỳnh Trang		08/23/07	Tổ 19 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5546	Nguyễn Thanh Thanh Ngân		05/21/12		88/2 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5547	Nguyễn Thị Ngọc Lan		07/14/16		2B/G tổ 17 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5548	Nguyễn Trần Ngọc Diễm		11/06/09		29/G tổ 17 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5549	Nguyễn Trần Ngọc Tuyền		11/10/05		236B tổ 9 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5550	Nguyễn Võ Văn An	01/01/06			75 tổ 36 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5551	Phạm Nguyễn Minh Đạt	05/03/13			50/2 kp Long Diễm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5552	Phan Trần Thành Trung	09/19/08			248B tổ 7 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5553	Phòng Nguyễn Bảo Trân		01/08/14		3/2 kp Long Diễm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5554	Phùng Mai Phương Trinh		12/02/08		10C/T7 tổ 10 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5555	Tạ Nguyễn Như Ngọc		02/22/13		359D KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5556	Trần Hoàng Phúc	05/29/12			236C tổ 9 kp Thái Hòa	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5557	Trần Ngọc Hân		10/27/14		kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5558	Trần Văn Tuấn	06/16/13			17/7B kp Long Diễm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5559	Trần Xuân Phúc	09/15/10			tổ 3 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5560	Trương Trung Hậu	12/22/14			44 kp Long Diễm	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5561	Từ Thanh Sang	04/01/05			08/G tổ 17 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5562	Võ Trường Sơn	08/12/04			1 tổ 32 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5563	Bùi Minh Hồng	01/01/73			36/8 KP Long Diễm	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5564	Bùi Ngọc Kiên	01/01/80		162331806	F7/4 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5565	Bùi Quang Sang	01/01/76		27123475	45 kp Long Diễm	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5566	Bùi Thị Loan		01/01/86		Tổ 31 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
5567	406 Cao Ngọc Duy	08/18/84		271609377	113 kp Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5568	407 Cao Thị Thanh Hồng		12/15/93	272287471	161 Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5569	408 Cao Văn Trường	01/01/64		270747806	233 kp Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5570	409 Cho Thanh Tùng	11/20/95			20 tổ 14 kp Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5571	410 Cổ Thế Khải	07/24/03		272974614	64 tổ 34 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5572	411 Đặng Hoài Phong	01/01/90			60 Long Diêm	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5573	412 Đặng Thị Yến Nhi		05/19/94	272419606	LT5 kp Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5574	413 Đặng Văn Đường	01/01/61		272687287	18/M3 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5575	414 Đào Duy Phương	01/01/96		272976301	163 tổ 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5576	415 Đào Thanh Sơn	01/01/71		272040181	235 KP Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5577	416 Đào Thị Kim Hồng		10/15/84	272750298	168 Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5578	417 Đào Thị Loan		01/01/72	271789580	Tổ 9 KP Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5579	418 Đào Thị Trúc Mai		01/01/01		10B tổ 35 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5580	419 Đinh Minh Anh	07/27/81		271481324	tổ 6 kp Long Diêm	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5581	420 Đinh Thị Bích		02/10/83	132444651	39B/6 kp Long Diêm	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5582	421 Đinh Văn Xuân	04/20/93		271326934	251B tổ 8 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5583	422 Đỗ Tiến Đạt	07/11/02			Lô 55L8, KP Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5584	423 Đoàn Văn Phẩm	01/01/80		271384093	KP Thái Hòa	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5585	424 Đoàn Văn Thảo	01/01/86		272269203	256 Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5586	425 Giang Thị Thùy Dương		01/01/84	271844166	77 tổ 5 KP Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5587	426 Hồ Thị Kim Diệp		09/25/66	270477739	41 kp Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5588	427 Hoàng Minh Sơn	01/01/03		272386240	32A/2 KP Long Diêm	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5589	Hoàng Nữ Phương Thảo		01/01/91	272237234	J32 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5590	Hoàng Thị Hòa		07/07/77	271493124	309 tổ 4 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5591	Huỳnh Ngọc Phát	10/21/73		271103506	116 kp Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5592	Khúc Thanh Long	01/01/88		272642813	32/GTổ 13 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5593	Lê Gia Tú	01/22/01		276048601	59/1 kp Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5594	Lê Kim Huệ		01/01/82		151 Tổ 7 KP Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5595	Lê Phi Công	10/14/69		270963833	25E	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5596	Lê Thanh Bình	09/05/66		271673243	28 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5597	Lê Thị Thơm		01/01/86		91A/4 KP Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5598	Lê Thị Tuyết Dung		01/01/95	272750876	232HF KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5599	Lê Trung Phát	01/01/66		272009325	59/1 kp Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5600	Lê Văn Đức	04/15/84			tổ 10 kp3A	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5601	Lê Văn Dũng	01/01/73		271103562	76/9 kp Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5602	Lương Quang Phát	01/01/97		272598714	Tổ 13 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5603	Lý Hồng Phước	01/01/68		272444189	224 KP 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5604	Lý Póch	01/01/64		271691905	202 KP Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5605	Ngô Thái Hà	07/17/03			76/52 kp Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5606	Nguyễn Đoàn Ngọc Huy	04/06/04			51/6 kp long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5607	Nguyễn Duyệt Thông	10/30/61		271788090	tổ 6 kp Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5608	Nguyễn Lan Anh		01/01/90	272561936	11/A1/280 tổ 14 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5609	448	Nguyễn Mỹ Linh		01/01/83	47/8 KP Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5610	449	Nguyễn Phúc Nhựt Trường	01/01/83		26/2 KP Long Diên	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5611	450	Nguyễn Thị Bích Hà		01/01/88	247A KP Thái Hòa	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5612	451	Nguyễn Thị Hồng Thủy		06/18/93	82/1 kp Long Diên	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5613	452	Nguyễn Thị Huệ		05/15/66	Khu phố 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5614	453	Nguyễn Thị Ngọc Anh		01/01/90	KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5615	454	Nguyễn Thị Ngọc Hòa		08/29/81	210 Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5616	455	Nguyễn Thị Ngọc Ngân		01/01/93	283 Tổ 10 KP Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5617	456	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		04/04/87	227 tổ 9 kp Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5618	457	Nguyễn Thị Thanh Đông		11/08/68	96/14/1 kp Long Diên	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5619	458	Nguyễn Thị Thanh Nhã		01/01/96	10/B2 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5620	459	Nguyễn Thị Thu Tâm		01/01/81	198 tổ 27 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5621	460	Nguyễn Thị Thùy Dương		01/01/98	65/25 tổ 3 KP Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5622	461	Nguyễn Thông		01/01/69	174, Long Diên	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5623	462	Nguyễn Tuấn Đạt		01/01/98	60 tổ 34 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5624	463	Nguyễn Văn Bách		06/26/86	tổ 10 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5625	464	Nguyễn Văn Chính.		01/01/70	KP Bình Dương	NKT nặng	450.000	500.000	Chết T4/2020
5626	465	Nguyễn Văn Hưng		01/06/79	129, tổ 6, kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5627	466	Nguyễn Văn Khuê		05/20/64	kp Long Diên	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5628	467	Nguyễn Văn Long		01/01/87	54 tổ 36 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5629	468	Nguyễn Xuân Thủy		07/10/75	41 LT5. KDC An Hưng Phát, kp Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5630	469	Phạm Bảo Toàn		07/25/97	117 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5631	470	Phạm Hoài Bắc		04/09/89	C2/9 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5632	Phạm Minh Hào	10/11/02			08/280 tổ 16 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5633	Phạm Quang Hải	11/04/96			41A/7 tổ 7, kp Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5634	Phạm Thị Lệ Hằng		09/12/80		264/11 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5635	Phạm Văn Nam	01/01/87			19A/280 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5636	Phan Thanh Hiền	01/01/77			18A/3 KP Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5637	Phan Thiên An		11/23/02		48A/2 Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5638	Trần Hữu Đức	10/12/61		270171248	5A/6 kp Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5639	Trần Ngọc Tân	01/01/81			402G KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5640	Trần Quyết Chiến	05/10/68		181788920	449B kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5641	Trần Thanh Vinh	01/01/73		271103446	115 kp Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5642	Trần Văn Tính	11/18/91			28/17 Bình Dương	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5643	Trương Thị Trinh		01/01/95		28 Tổ 31 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5644	Võ Hùng Anh	01/01/66		271234176	270B kp Thái Hòa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5645	Võ Văn Tâm	01/01/74		271234515	170 KP Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5646	Vũ Chinh	11/01/83		023485941	14A/5 kp Long Điền	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5647	Vũ Thị Kim Liễu		03/19/66	270783894	F4 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5648	Bùi Thị Ty		10/10/51		04/A2 tổ 15 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5649	Cáo Thị An		01/01/46	270155382	tổ 4 kp Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5650	Cao Thị Nghĩa		04/18/59		222B kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5651	Đặng Phước Long	10/05/46			27B kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5652	Đặng Văn Há	03/10/32		272921442	86A kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5653	Đào Thị Nhớ		01/01/49	270747652	176 tổ 8 kp Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5654	Đào Thị Xê		01/01/38	270155611	217 tổ 8 KP Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
5655	Đào Văn Thanh	01/01/52		270171545	232/7/4/6 KP Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5656	Đinh Thị Vù		01/01/26	370122478	90/6 KP Long Diêm	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5657	Đinh Văn Bé	06/10/50		271583938	72 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5658	Đoàn Văn Bích	05/17/40		272389029	161 kp Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5659	Lê Đức Hiền	11/01/59		270881199	502 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5660	Lê Thị Huệ		06/10/49	271783670	K48 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5661	Lê Văn Thành	01/01/58		271199641	273 kp Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5662	Lưu Văn Khôi	01/01/60		271327757	KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5663	Ngô Viết Lợi	01/01/36		270059203	20/1, Long Diêm	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5664	Nguyễn Thị Chin		01/01/41	270155500	15A/5 kp long Diêm	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5665	Nguyễn Thị Hình		01/01/34	270155180	282 Tổ 2 KP Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5666	Nguyễn Thị Hoan		12/10/55	272937739	504 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5667	Nguyễn Thị Kim Nguyệt		03/04/52	272369555	62 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5668	Nguyễn Thị Láng		01/01/54	270171512	275 kp Long Diêm	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5669	Nguyễn Thị Miên		01/01/40	270171567	251 kp Long Diêm	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5670	Nguyễn Văn Lành	01/01/32			251 Kp Long Diêm	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5671	Nguyễn Văn Tiêm	10/07/53		271599725	498 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5672	Nhữ Thị Hưu		01/01/52	271011310	E23 tổ 9 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5673	Phạm Thị Thu Cúc		01/01/56		86A tổ 4 KP Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5674	Phạm Văn Âm	02/09/56		272084744	503 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5675	Trần Thị Diệu		01/01/56		112 kp Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5676	Trần Thị Lang		01/01/58		39 Long Diêm	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5677	Trần Thị Mai		02/03/40		04/A2 tổ 15 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5678	Trần Văn Lượ	09/10/42			201, Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5679	Trần Văn Thái	06/05/58		270171139	kp Bình Dương	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5680	Trương Bắc Tiến	01/01/56			100 QL1 KP Bình Dương	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5681	Võ Thị Chính		01/01/45	272646435	44AD3 kp Bình Dương	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5682	Võ Thị Lan		01/01/56	270125177	45 kp Bình Dương	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5683	Vũ Thị Hải		01/01/32	370940622	Kp Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5684	Vũ Thị Soan		01/01/59	270155198	115 KP Thái Hòa	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5685	Bùi Đức Thắng	10/16/12			47/2 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5686	Cao Minh Đăng	01/01/07			253 Thái Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5687	Đặng Thái Sơn	09/22/06			54/5A tổ 10 KP Bình Dương	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5688	Đào Minh Thuận	08/29/07			kp Thái Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5689	Đào Nguyễn Thiên An		04/23/14		227 KP Thái Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5690	Hồ Thị Thương Hoài		01/01/08		19/Q1 tổ 31 KP1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5691	Huỳnh Ngọc Thanh	08/28/05			271/B kp Thái Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5692	Nguyễn Đại Dương	07/29/07			65/27, tổ 3, KP Thái Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5693	Nguyễn Như Quỳnh		02/10/08		161/41 tổ 9 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5694	Nguyễn Phú Lộc Vạn	08/23/05			13 kp Thái Hòa	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5695	Nguyễn Trường Thành	10/11/10			E40 tổ 26 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5696	Ninh Gia Bảo	06/10/13			91E/6 kp Long Điền	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5697	Phạm Văn Khánh		03/10/11		17Q3 tổ 18 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5698	Phan Ngọc Thiên Bảo	12/20/13			44 tổ 29 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5699	Trà Hoàng Đăng Khoa	03/11/11			247 kp Long Điền	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5700	Trần Hoàng Toàn	02/07/09			108B tổ 5 kp Bình Dương	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
5701	Trần Thị Thu Hiền		04/14/09		Tổ 17, KP2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
5702	Lê Hoàng	03/22/04			64/1 tổ 18 KP Bình Dương	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5703	Nguyễn Thị Kim Lan		01/05/04		90 tổ 4 KP Long Diêm	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5704	Nguyễn Thị Kim Linh		01/01/02		90 tổ 4 KP Long Diêm	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5705	Nguyễn Thị Kim Long		01/01/02		90 tổ 4 KP Long Diêm	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5706	Nguyễn Thị Tuyết Anh		03/25/02		69/Q1 kp1	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5707	Trần Nguyễn Huyền Hằng		06/01/03		113 kp3	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5708	Trần Quốc Oai	01/01/98			113 tổ 6 Kp3	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5709	Trần Thị Ngọc Thy		12/14/03		73 Tổ 5 KP Bình Dương	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5710	Trần Thị Trúc Giang		01/01/03		Tổ 26 KP3	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5711	Trần Thị Trúc Hậu		01/01/00		Tổ 26 KP3	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5712	Bùi Thanh Thúy		01/01/05		45A/2 KP Long Diêm	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5713	Bùi Thị Thanh Hương		10/11/04		45A/2 KP Long Diêm	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5714	Lương Sơn Xuân Mai	01/01/06			80 tổ 5 KP Bình Dương	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	

XII. XÃ LONG HƯNG

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5715	1 Huỳnh Thị Hồng Hoa		01/01/50	270231272	Tổ 17 khu 3 ấp Phước Hội	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5716	2 Nguyễn Thị Sao		01/01/54	270233459	320 tổ 19, khu Đình, ấp An Xuân	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5717	3 Tô Thị Mỹ Phương		01/01/46		An Xuân	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5718	4 Trần Thị Lợi		01/01/41	270230824	Phước hội	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5719	5 Nguyễn Thị Đầu		01/01/35		Phước hội	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
5720	6 Nguyễn Thị Mái		01/01/30	270230573	Phước hội	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
5721	7 Bùi Thị Phương		01/01/38	270230671	khu 1 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5722	8 Châu Thị Kiểm		01/01/39	270231126	khu TĐC ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5723	9 Đào Văn Chuyển	01/01/34		270257029	tổ 2 khu 3 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5724	10 Diệp Thị Thủy		01/01/39	270233442	khu Đình ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5725	11 Đỗ Thị Gương		01/01/37	270230914	46 tổ 2 khu 2 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5726	12 Đoàn Văn Quý	01/01/32		270231297	ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5727	13 Hàng Thị Gái		01/01/38	230232355	khu Bà Khánh ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5728	14 Huỳnh Thị Chua		01/01/33	270230951	Khu 2 Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5729	15 Huỳnh Thị Ôi		01/01/40	270233679	khu 3 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
5730	Lê Quang Hùng	01/01/30		270257116	Khu Lò, An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5731	Lê Thị Bền		01/01/39	270231126	353 khu 3 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5732	Lê Thị Sura		01/01/30	270333845	Khu Lò, An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5733	Lê Văn Khuê	07/17/38		270040567	Khu Đình ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5734	Lê Văn Từu	01/01/27		270233704	Khu Cây Ngã, An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5735	Lê Văn Xanh	01/01/40		270233947	tổ 18 khu Lò ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5736	Lương Thị Hòa		01/01/40	270257167	tổ 30 khu Cây Ngã ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5737	Lý Công Cao	05/02/38		271493768	147 khu 2 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5738	Mai Xi	01/01/38		270122012	ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5739	Nam Thị Thu Hồng		01/01/39	270439566	A39 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5740	Nguyễn Thị Ánh		01/01/36	270233878	181 khu lò An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5741	Nguyễn Thị Bàn		01/01/30	270233281	Khu Bà Khánh, An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5742	Nguyễn Thị Bé		01/01/29	270233250	Khu Bà Khánh, An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5743	Nguyễn Thị Chanh		01/01/39	270233386	ấp an Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5744	Nguyễn Thị Huệ		01/01/40	270237159	khu 1 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5745	Nguyễn Thị Khuyên		01/01/33	272274603	179 Khu 1 Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5746	Nguyễn Thị Kính		01/01/35	270233690	tổ 15 khu 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5747	Nguyễn Thị Lương		01/01/33	270233920	Khu 1 Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5748	34 Nguyễn Thị Ngân		01/01/39	270231141	155 khu 2 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5749	35 Nguyễn Thị Nhan		11/03/25		khu 3 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5750	36 Nguyễn Thị Nữ		01/01/37	270233613	khu 3 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5751	37 Nguyễn Thị Thanh		01/01/37	270230994	601 khu 2 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5752	38 Nguyễn Thị Thọ		01/01/37		khu Bà Khánh ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5753	39 Nguyễn Thị Tư		01/01/37	270233932	khu 3 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5754	40 Nguyễn Thị Tường		01/01/35	270233298	492 Bà Khánh- An xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5755	41 Nguyễn Văn Đông	01/01/38		270257157	211 khu Lò ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5756	42 Nguyễn Văn Nguyệt	01/01/37		270231030	128 tổ 14 khu 2 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5757	43 Nguyễn Văn Thu	01/01/31		270231082	Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5758	44 Phạm Thị Đăng		01/01/34	270231333	293 tổ 4 khu 1 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5759	45 Phạm Thị Mạnh		01/01/37	270233704	236 khu 1 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5760	46 Phạm Thị Ngò		01/01/31	270233916	Khu Lò, An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5761	47 Phạm Văn Bảy	01/01/36		270231163	khu 3, Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5762	48 Phạm Văn Trạng	01/01/32		270233366	ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5763	49 Phan Văn Chính	01/01/36		270079165	181, Khu Lò An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5764	50 Trần kim Huê	02/14/37		270737818	12 tổ 1 khu 2 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5765	Trần Thị Diệu		01/01/34	271401385	169 khu 1 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5766	Trần Thị Nhung		01/01/37	270233652	19 tổ 30 ấp An xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5767	Trần Thị Tánh		01/01/39	270257010	khu Lò ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5768	Trần Văn Mai	01/01/27		270233547	Ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5769	Trịnh Thị Cả		01/01/37	270231188	khu 2 ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5770	Trương Thị Chinh		01/01/25	270231206	Phước hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5771	Võ Thị Bé		01/01/37	270233859	khu lò ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5772	Võ Thị Nhung		01/01/39	270233449	15 khu Cây Ngã ấp An Xuân	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5773	Võ Thị Tư		01/01/32	270331846	ấp Phước Hội	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5774	Võ Trung Nguyên	01/01/40		270032190	lô N khu tái định cư	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5775	Nguyễn Thị Kim Loan		05/13/81	271446657	435A tổ 24 ấp An Xuân	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
5776	Phạm Thanh Hồng		05/24/79	271337216	khu 3 ấp Phước Hội	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
5777	Châu Trí Cường	01/01/03			Ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5778	Đỗ Thanh Bình		01/01/64	270233628	756 khu lò, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5779	Đoàn Văn Toàn	01/01/82		271446510	Ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5780	Huỳnh Công Đức	01/01/69			Phước hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5781	Huỳnh Gia Hân	05/14/93		270945312	133 tổ 22 khu Lò, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5782	Huỳnh Văn Thanh Công	01/01/03			Ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5783	Mai Phương Quang	01/01/64		270231423	Ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5784	70	Nguyễn Thanh Minh	01/01/92	272226743	306 tổ 20, khu Đình, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5785	71	Nguyễn Thanh Nhiều			Phước hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5786	72	Nguyễn Thành Trung	01/01/79	271337217	623 Tổ 10, Kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5787	73	Nguyễn Thị Bạch Kim		270231521	Khu 1, Phước hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5788	74	Nguyễn Thị Kim Liên		270240058	khu 3 ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5789	75	Nguyễn Thị Ngọc Xuân			Áp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5790	76	Nguyễn Văn Chính	01/01/61	270233446	471 tổ 25 ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5791	77	Nguyễn Văn Hổ	01/01/63	270233400	383 khu Bà khánh, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5792	78	Nguyễn Văn Ngọt			An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5793	79	Phan Văn Cường	01/01/62	270231612	ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5794	80	Phùng Chấm Lừng	01/01/89	270233475	Áp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5795	81	Trần Minh Sang	01/01/72	270445425	Áp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5796	82	Trần Phúc Trọng	01/01/83	271606066	Áp An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5797	83	Trần Thị Kim Hồng			Phước hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5798	84	Trần Thị Thanh Thủy		270231084	Áp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5799	85	Trần Văn Lợi	11/28/93		Khu 2, ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5800	86	Võ Ngọc Dân	01/01/73	271123777	Áp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5801	87	Võ Văn Tư	01/01/80	270231845	Áp An Xuân	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
5802	88	Châu Văn Phê	01/01/57	270231453	khu Lò, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5803	89	Đỗ Kim Hoa		270231310	511, khu Bà Khánh, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5804	90	Hồ Thị Lê		270230586	Khu 1, Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
5805	Hồ Thị Thung		01/01/30	270230815	Khu 1, Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5806	Huỳnh Thị Chó		01/01/38	270233257	khu Bà Khánh ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5807	Huỳnh Thị Vân		01/01/33	270526657	Khu 1 Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5808	La Thị Nhỏ		01/01/37	272486616	ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5809	Lâm Thị Thu		01/01/36	270231269	659, tổ 11, khu 3, ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5810	Lê Thị Bé		01/01/32	270233532	61A khu 2 ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5811	Lê Thị Bông		12/30/56	270738157	01 khu Bà Khánh, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5812	Lê Văn Bảy	01/01/27		270257065	Khu Lò, An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5813	Lê Văn Lập	01/01/55		270233851	58 khu 2 ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5814	Lê Văn Ngọc	01/01/41			300 khu Đình ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5815	Nam Thị Mười		01/01/52	271736786	khu Bà Khánh ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5816	Ngô Sĩ Nông	01/01/44		270238872	80 tổ 16 khu 2 ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5817	Nguyễn Khuê	01/01/39		271976947	623 tổ 10 khu 3 ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5818	Nguyễn Phùng Hà	01/01/39		270231723	khu lò, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5819	Nguyễn Tấn Đạt	01/01/38		270281008	khu 1 ấp Phước hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5820	Nguyễn Thị Hợi		01/01/34	270230743	537 Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5821	Nguyễn Thị Kéo		01/01/50	270233567	461 khu Lò ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5822	Nguyễn Thị Năm		01/01/34	270233904	193 khu Đình, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5823	Nguyễn Thị Năm		01/01/31	270230734	Phước hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5824	Nguyễn Thị Nghiêm		01/01/34	270233584	193BA khu Đình, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5825	Nguyễn Thị Quyền		01/01/40	270231815	khu Lò ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5826	Nguyễn Thị Thế		01/01/54	270231712	427 khu 3, ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5827	Nguyễn Thị Tươi		01/01/30	270230717	173 tổ 2, khu 1, ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5828	Nguyễn Thị Ven		02/02/39	270257068	ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5829	Nguyễn Trọng Phùng	01/01/27		270231048	Khu 3, Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5830	Nguyễn Văn Chác	01/01/41		270233253	khu Bà Khánh	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5831	Nguyễn Văn Lung	01/01/27		270257080	Khu 3, Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5832	Phạm Thành Nhơn	01/01/57		270233750	331 ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5833	Phạm Thị Phải		01/01/25	270233896	An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5834	Phạm Thị Ra		01/01/36	270233813	159 tổ 2, khu 2, ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5835	Phạm Thị Sét		01/01/33	270233491	Khu Đình, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5836	Phạm Thị Tám		01/01/33	270233826	ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5837	Phạm Văn Cẩm	01/01/55		271823512	Khu Lò, An Xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5838	Phạm Văn Cua	01/01/27		270105968	khu Cây Ngã ấp An xuân	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5839	Phạm Văn Tình	01/01/38		270230865	86 khu 2 ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5840	126 Trần Lịch Sư	01/01/52			Khu 1, ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5841	127 Trần Văn Tài	01/01/31		270231586	Ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5842	128 Võ Thị Lễ		01/01/33	270738108	616 Khu 3 Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5843	129 Võ Thị Nhỏ		01/01/28	270230647	Ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5844	130 Võ Thị Thái		01/01/34	270231851	Ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
5845	131 Chế Thông	01/01/04			Khu Lò, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5846	132 Nguyễn Huỳnh Gia Ân		05/29/11		241 tổ 5 khu 1, ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5847	133 Nguyễn Lê Phú Quý	11/14/11			583 khu Bà Khánh, ấp An Xuân	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5848	134 Trần Thị Trâm Anh		03/17/17		412 khu 3 ấp Phước Hội	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
5849	135 Châu Trí Cường	06/22/03			khu 1 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5850	136 Đoàn Minh Chí	01/01/64		270231014	khu 2 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5851	137 Dương Văn Sơn	01/01/76		271331970	203 khu Lò ấp An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5852	138 Hà Thanh Phương	01/01/69		270945398	Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5853	139 Huỳnh Công Trục	12/25/59		270233731	503 khu 3 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5854	140 Huỳnh Mai Hoàng	01/01/68			Ấp An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5855	141 Huỳnh Ngọc Suong	10/08/81		271554646	khu Lò ấp An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5856	142 Huỳnh Thị Bông		11/30/82	272662469	174 tổ 23 khu lò ấp An Xuân	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5857	143 Huỳnh Thị Hạnh		01/01/65	272006877	tổ 17 khu 3 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5858	144 Huỳnh Văn Nước	01/01/83		271606168	Ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5859	Lê Ngọc Hà		01/01/84	272226939	Áp An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5860	Lê Thành Được	01/01/61		270231853	321 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5861	Lê Thanh Hiền		03/03/93	272319550	tổ 24 khu Bà Khánh áp An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5862	Ngô Thị Tuyết Loan		01/01/77	272006924	Áp An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5863	Ngô Văn Mạnh	06/10/89		272209801	Lô G35 khu định cư Long Hưng	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5864	Nguyễn Hà Nam	01/01/80		271233532	Áp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5865	Nguyễn Thị Ngọc Hân		03/27/01	270233446	461 khu lò áp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5866	Nguyễn Thị Thanh Thanh		01/01/61	270222570	K2 áp Phước Hội	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5867	Nguyễn Thùy Trang		03/02/02		46 tổ 2 khu 2, áp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5868	Nguyễn Văn Lượm	01/01/71		270945535	Phước hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5869	Nguyễn Văn Nghĩa	1962				NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5870	Nguyễn Văn Tèo	01/01/67		271230820	An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5871	Nguyễn Văn Trung	01/01/71		270945379	464 tổ 17A khu 3 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5872	Nguyễn Văn Vàng	01/01/66		270231520	Phước hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5873	Nguyễn Văn Vũ	01/01/70			407 tổ 14 khu 3, ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5874	Phạm Thị Gái		01/01/64	270233421	Áp An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5875	Phan Thị Hằng		10/19/73	271736926	482 khu 3 áp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5876	Phan Văn Tuấn	07/01/69		270945307	khu 3 áp Phước Hội	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5877	Phan Văn Út	01/01/76		271331980	Áp An Xuân	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5878	164	Trần Khánh Hưng	01/01/90	270233995	khu 2 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5879	165	Trần Ngọc Oanh	01/01/85		Ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5880	166	Trần Văn Nhân	01/01/61	270230979	khu 2 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5881	167	Võ Hoàng Tín	01/01/88	271233473	khu 2 ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5882	168	Võ Thanh Long	01/01/74	271123625	584 tổ 10, khu 3, ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5883	169	Võ Thị Lệ Hoa	01/01/70	270945150	Ấp Phước Hội	NKT nặng	450.000	1.500.000	
5884	170	Huỳnh Phúc Huyền	06/30/51	270230722	khu 1 ấp Phước Hội	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5885	171	Lê Thị Xuyên	01/01/57	270257016	107 khu Lò ấp An Xuân	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5886	172	Lữ Thiều Dung	01/01/50	270233990	khu Lò ấp An Xuân	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5887	173	Nguyễn Thị Gái	01/01/56	270231373	407 tổ 14 khu 3 ấp Phước Hội	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5888	174	Nguyễn Thị Hồng	01/01/54	270290304	khu 1 ấp Phước Hội	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5889	175	Nguyễn Thị Tiếc	01/01/59	270155671	khu 1 ấp Phước Hội	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5890	176	Nguyễn Thị Vinh	01/01/42	270257022	230 khu Lò ấp An Xuân	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5891	177	Nguyễn Văn Thanh	01/01/50	270257168	khu Lò ấp An Xuân	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5892	178	Phạm Thị Gái	01/01/43	270230792	tổ 3 khu 1 ấp Phước Hội	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5893	179	Võ Đắc Lộc	01/01/42	270230775	khu 1 ấp Phước Hội	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
5894	180	Trịnh Như Quỳnh	06/13/09		khu Cây Ngã ấp An Xuân	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5895	Diệp Anh Hòa	05/07/12			ấp An xuân	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5896	Diệp Hoàng Anh Thuận	03/20/10			ấp An Xuân	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5897	Diệp Ngọc Như Hiếu		08/12/08		ấp An xuân	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5898	Đỗ Ngọc Giàu		11/07/05		Tổ 11, khu 3, ấp Phước Hội	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5899	Nguyễn Kim Trinh		11/20/05		Ấp An Xuân	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5900	Trần Thị Kim Hạnh		10/20/08		Ấp An Xuân	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5901	Trần Văn Tú	05/23/09			Tổ 7, khu 2, ấp Phước Hội	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5902	Trần Văn Tuấn	02/20/06			tổ 7 khu 2 ấp Phước Hội	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
5903	Võ Thái An	09/28/12			338 khu Đình ấp An Xuân	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
XIII. PHƯỜNG PHƯỚC TÂN									
5904	1	Nguyễn Ngọc An		01/01/44	270229648	132 Tổ 3 ấp Miếu	450.000	1.500.000	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5905	Nguyễn Thị Minh		01/01/52	272529903	tổ 21 ấp Tân Mai	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5906	Nguyễn Thị Mót		02/08/55	272101518	tổ 3 khu tỉnh thương ấp Tân Lập	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5907	Nguyễn Văn Tốt	04/02/44			tổ 12 ấp Đồng	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5908	Nguyễn Văn Vĩnh	10/05/50		270235760	17 tổ 10 ấp Tân Mai	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
5909	Phạm Thị Ngọc Dung		01/01/36		Tổ 30, ấp Tân Mai	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
5910	Bùi Quý Chấn	01/01/33		270241920	52 tổ 5, khu chung cư, ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5911	Bùi Thị Hoa		01/01/38	150204593	tổ 3 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5912	Bùi Thị Nhung		02/09/33	272101047	936 tổ 18, Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5913	Bùi Thị Tiến	07/12/38		272438619	tổ 2 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5914	Bùi Thị Vân		01/01/38	270228938	tổ 5 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5915	Bùi Văn Bảy	01/01/36		270157276	Tổ 9, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5916	Bùi Văn Răng	03/12/37		270228199	tổ 7 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5917	Bùi Văn Vân	01/01/40			kp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5918	Cao Văn Chi		08/27/37	270235805	tổ 10A ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5919	Cao Xuân Hải	01/01/36		272259044	5 tổ 1 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5920	Chu Thị Loan		04/12/34	270228737	Tổ 28 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5921	Đặng Thị Các		01/01/40	272480831	tổ 24 kp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5922	Đặng Thị Đăng		01/01/23	272726743	29, tổ 21, Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5923	Đặng Thị Kim Dung		01/01/38	270056242	96/2 ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5924	Đặng Thị Lan		01/01/39	270142722	ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5925	Đặng Thị Oanh		02/21/38	272101541	ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5926	Đặng Thị Yên		01/01/39	270377468	tổ 4 khu Nùng áp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5927	Đặng Văn Minh	03/30/40		272005987	tổ 21 kp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
5928	Đặng Văn Phương	01/01/36		270377414	Tổ 4, Khu Nùng, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5929	Đào Thị Cam		01/01/38	270674562	tổ 16 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5930	Đinh Thị Chi		01/01/31	270235352	Tổ 6, Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5931	Đinh Thị Khai		01/01/23	272646714	Tổ 3, Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5932	Đinh Thị Nhâm		01/01/26	270241563	1991 tổ 1, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5933	Đinh Thị Viết		01/01/40	270229489	tổ 13 kp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5934	Đỗ Thị Kinh		01/01/30	272437096	14 tổ 19, Ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5935	Đỗ Thị Ngọc		01/01/37	270228603	ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5936	Đỗ Thị Thái		01/01/23	190276776	ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5937	Đỗ Thị Yên		01/01/32	160295950	9 tổ 26, Ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5938	Đỗ Văn Phấn	01/01/31		272507680	Tổ 8, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5939	Đỗ Văn Thiện	01/01/31		270228246	264 tổ 7, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5940	Đỗ Văn Thúc	01/01/37		270235486	tổ 10 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5941	Đoàn Thị Bứa		01/01/29	271125271	Tổ 19, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5942	Đoàn Thị Lành		01/01/30		155 tổ 4, ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5943	Dương Thị Mân		01/01/38		tổ 1 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5944	Dương Thị Siêng		01/01/40	270234087	kp Rạch Chiềc	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5945	Hà Nữ		01/01/39	270229986	tổ 2 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5946	Hà Văn Lang	01/01/27		270242298	Tổ 4, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5947	Hồ Pắc Giêng	01/01/29		270241843	Tổ 5, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5948	Hồ Thị Bé		01/01/38	270228805	96 tổ 2 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5949	Hồ Thị Hoa		01/01/35	270228562	tổ 22 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5950	Hoàng Quang Phú	01/01/31		270835378	103 tổ 6, ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5951	Hoàng Quát	01/01/33		270088750	283 tổ 4, Ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5952	Hoàng Thị Cẩn		10/13/35	272748954	Tổ 20, Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5953	Hoàng Thị Lê		01/01/36	272052915	tổ 15 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5954	Hoàng Thị Quyển		01/01/40	270241711	kp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5955	Hoàng Thị Sang		01/01/24	270738292	664 tổ 16, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5956	Hoàng Thị Trơ		01/01/36	272795568	Tổ 3, Ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5957	Hoàng Văn Bảy	01/01/31		270241980	293 tổ 4, khu chung cư, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5958	Hoàng Vĩnh Ich	01/01/32		270031893	466/2 tổ 1, khu Nùng, Ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5959	Huỳnh Thị Giêng		01/01/37	270234145	tổ 3 ấp Rạch Chiếc	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5960	Huỳnh Thị Tâm		01/01/39	270228959	tổ 6 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5961	Lại Thị Thắm		01/01/37	270229512	tổ 1 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5962	Lâm Thị Anh	06/04/38		021111815	tổ 4 ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5963	Lâm Văn Thức	01/01/34		270235430	Tổ 5, ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5964	Lê Công Vĩ	08/10/38		272115721	10 tổ 24 ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5965	Lê Doãn Đức	01/01/30		272318568	1259 tổ 22 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5966	Lê Đức Dương	07/23/38		181144858	tổ 28 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5967	Lê Ngọc Bình	12/05/39		170611519	1815A1 kp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5968	Lê Ngọc Hiệt	01/01/38		270235851	tổ 12 ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5969	Lê Thị Anh		01/01/35	021434509	tổ 13 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5970	Lê Thị Bé		10/15/38	270229735	tổ 4 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5971	Lê Thị Dàn		02/12/37	272086609	tổ 21 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5972	Lê Thị Dung		07/01/34		tổ 24 kp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5973	Lê Thị Hiền		01/01/30	270228293	499 tổ 6, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5974	Lê Thị Hoa		05/05/39	180109607	tổ 15 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5975	Lê Thị Hồng Hoa		01/01/37	270241548	tổ 5 ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5976	Lê Thị Huệ		02/15/37	272563936	ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5977	74 Lê Thị Hương		01/01/30	272697762	15, tổ 18, Ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5978	75 Lê Thị Kết		10/10/36	272086558	tổ 5 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5979	76 Lê Thị Lam		01/01/35		tổ 6 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5980	77 Lê Thị Mai		01/01/36	270142526	6/3, tổ 9, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5981	78 Lê Thị Minh Lan		01/10/36	270227895	tổ 44 kp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5982	79 Lê Thị Nhi		01/01/38	272600529	1003A ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5983	80 Lê Thị Quyền		01/01/29	270235547	17 tổ 25, Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5984	81 Lê Thị Thiết		01/01/39	272107658	755 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5985	82 Lê Thị Tuyết		01/01/28	181299407	12 tổ 21 ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5986	83 Lê Thị Ty		01/01/28	272535895	568 tổ 11, Ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5987	84 Lê Thị Vuông		12/07/38	270061046	tổ 21 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5988	85 Lê Văn Ba	01/01/37		270142315	ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5989	86 Lê Văn Dạm	01/01/34		270228710	96 tổ 2 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5990	87 Lê Văn Dư	01/01/40		270244039	tổ 5 kp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5991	88 Lê Văn Dương	01/01/30		270242068	302 tổ 7, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5992	89 Lê Văn Hoành	01/01/32		270229510	Tổ 25 Ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5993	90 Lê Văn Khai	02/02/38		272101199	1041 tổ 18 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5994	91 Lê Văn Lâm	01/01/28		270497169	33 tổ 13, Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5995	92 Lê Văn Luân	01/01/37		270234864	tổ 2 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
5996	93 Lê Văn Toại	06/21/37		180502150	tổ 16, ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5997	94 Lợi Thị Liên		01/01/33	270228335	327 tổ 3, Ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5998	95 Lữ Thị Chúc		01/01/31	272086108	562 tổ 16, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5999	96 Lương Thị Chiêu		01/01/37	272726467	tổ 12, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6000	97 Lương Thị Nở		01/01/31	270409293	Thiền viện Phước Sơn, tổ 5, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6001	98 Lưu Thị Thám		01/01/36	272780335	ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6002	99 Lưu Văn Sinh	01/01/31		270241566	155 khu Tỉnh Thương, ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6003	100 Lý Bạch Yến	05/18/38		272079388	ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6004	101 Lý Hùng Hon	01/01/30		270228849	A8 tổ 2, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6005	102 Lý Siêu Ên		01/01/37	272147412	tổ 2 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6006	103 Lý Tùng Bá	01/01/32		270230915	145 tổ 1, Ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6007	104 Mai Tấn Đạt	04/22/39		272078571	tổ 1 ấp Miêu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6008	105 Mai Thị Thấy		01/01/40	270244211	tổ 1 kp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6009	106 Mai Thị Thoa		01/01/35		tổ 9A ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6010	107 Ngô Đức Hải	01/01/31		272078941	528 tổ 10, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6011	108 Ngô kim Khôi	01/01/37		270244210	tổ 1 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6012	109 Ngô Thị Phương		01/01/31	270738908	475 tổ 6, ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6013	110 Ngô Thị Thuận		01/01/31		tổ 3 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6014	111 Ngô Thị Tư	01/01/30		330618453	368 tổ 4, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6015	112 Nguyễn Ánh Tuyết		01/01/32	270244078	341 tổ 6, Ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6016	113 Nguyễn Đền	08/12/36		272086309	tổ 5 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6017	114 Nguyễn Đình Khương	01/01/22		272438727	759 tổ 12, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6018	115 Nguyễn Du	09/13/37		273353496	tổ 8A ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6019	116 Nguyễn Gia Đào	06/05/38		183694715	tổ 15 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6020	117 Nguyễn Hiệp	01/01/32		271849876	Tổ 15, Ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6021	118 Nguyễn Hoàng Yến		01/01/33	205561135	tổ 3 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6022	119 Nguyễn Hữu Thám	01/01/33		270242531	482 tổ 2, Ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6023	120 Nguyễn Muôn	01/01/40		270228747	tổ 21 kp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6024	121 Nguyễn Ngọc Ánh		01/01/37	272487625	tổ 5 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6025	122 Nguyễn Ngọc Sâm	09/01/36		270228440	tổ 5 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6026	123 Nguyễn Oanh	01/01/25		270241573	378 tổ 3, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6027	124 Nguyễn Tấn Tài	01/01/30		270032476	Tổ 28B, Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6028	125 Nguyễn Thị Ánh		02/10/37	264062709	tổ 9 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6029	126 Nguyễn Thị Ánh		01/01/30	270229927	Tổ 4, ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6030	127 Nguyễn Thị Bầy		01/01/34	270244254	Tổ 1 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6031	128 Nguyễn Thị Bé		01/01/33	272377563	Tổ 1, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6032	129 Nguyễn Thị Bé		01/01/37	272798124	tổ 2 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6033	130 Nguyễn Thị Bé		01/01/36	270234241	ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6034	131 Nguyễn Thị Bền		01/01/35	272816661	457 tổ 12 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6035	Nguyễn Thị Bích Liên		01/01/39	270228706	ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6036	Nguyễn Thị Cá		01/01/38	270228442	tổ 1 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6037	Nguyễn Thị Chất		01/01/33	272649612	Tổ 21 ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6038	Nguyễn Thị chế		01/01/37	270228817	tổ 3B ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6039	Nguyễn Thị Chín		01/01/28	272317667	699B tổ 12, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6040	Nguyễn Thị Đang		01/01/36	272815279	tổ 21 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6041	Nguyễn Thị Dâu		01/01/32	272508080	Tổ 8 Ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6042	Nguyễn Thị Đốt		01/01/29	270162081	247 tổ 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6043	Nguyễn Thị Dưa		01/01/39	270242028	tổ 3 ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6044	Nguyễn Thị Được		01/01/39	270229933	tổ 1 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6045	Nguyễn Thị Dưỡng		02/15/34	130657993	173 tổ 8 ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6046	Nguyễn Thị Dưỡng		01/01/32	270228309	Tổ 22 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6047	Nguyễn Thị Em		09/23/38	270229758	tổ 5 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6048	Nguyễn Thị Hai		02/22/34	270228504	Tổ 5 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6049	Nguyễn Thị Hân		08/15/20	272600068	1618 tổ 26B, Ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết T4/2020
6050	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/24	270752842	Tổ 8, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6051	Nguyễn Thị Hạnh		01/01/30	270157155	112/9 ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6052	Nguyễn Thị Hay		01/01/30	270244007	138 tổ 4, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6053	Nguyễn Thị Hiền		01/01/35	270228535	Tổ 2, Thống Nhất, Ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6054	Nguyễn Thị Hoa		01/01/37	270241432	ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6055	Nguyễn Thị Hương		11/12/37	190286786	tổ 19 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6056	Nguyễn Thị Kè		01/01/37	272883419	tổ 23 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6057	Nguyễn Thị Khâu		01/01/39	270229986	tổ 3 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6058	Nguyễn Thị Khước		01/01/34	270228608	Ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6059	Nguyễn Thị Kiều		01/01/35	270241511	tổ 11 ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6060	Nguyễn Thị Lẻ		01/01/30	270242333	Tổ 1, ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6061	Nguyễn Thị Liên		01/01/22	150690304	1147 tổ 22, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6062	Nguyễn Thị Long		01/01/35	270229470	tổ 2 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6063	Nguyễn Thị Lữ		08/03/37	270132569	tổ 2 ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6064	Nguyễn Thị Lương		01/01/23	202583922	Tổ 8, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6065	Nguyễn Thị Lưu		10/03/38	260423730	tổ 28 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6066	Nguyễn Thị Mai		01/01/36	140272353	tổ 22 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6067	Nguyễn Thị Mân		01/01/33	270229864	Tổ 3, Ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6068	Nguyễn Thị Mận		01/01/36	270078903	Tổ 7, Tỉnh Thương, Ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6069	Nguyễn Thị Mọn		01/02/38	272717112	tổ 5 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6070	Nguyễn Thị Mùng		01/01/38	270241896	tổ 3 ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6071	Nguyễn Thị Nghiệm		01/01/37		tổ 6 ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6072	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/39	270088514	tổ 2 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6073	Nguyễn Thị Ngự		01/01/36	270228351	tổ 5 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6074	Nguyễn Thị Ngươi		01/01/37	270235500	tổ 4 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6075	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/30	270235492	17 tổ 14, ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6076	Nguyễn Thị Nữ		01/01/37	272101174	tổ 2 Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6077	Nguyễn Thị Phi		12/09/35	270242498	Ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6078	Nguyễn Thị Phương		12/30/33	140411259	Tổ 10, ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6079	Nguyễn Thị Quý		01/01/38	272563853	ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6080	Nguyễn Thị Sâm		01/01/31	180546112	230 tổ 8, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6081	Nguyễn Thị Sâm		01/01/33	272470453	26 tổ 21, Ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6082	Nguyễn Thị Sánh		01/01/38	272940027	tổ 5 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6083	Nguyễn Thị Sạo		01/01/40	272993131	tổ 2 kp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6084	Nguyễn Thị Sáu		01/01/39	270280655	tổ 12B ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6085	Nguyễn Thị Sen		01/01/40	270752145	kp Rạch Chiếc	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6086	Nguyễn Thị Sinh		02/12/40	272805988	1041 kp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6087	Nguyễn Thị Thành		01/01/40		tổ 6A kp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6088	Nguyễn Thị Thảo		02/15/39	183926708	tổ 21 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6089	Nguyễn Thị Thâu		01/01/18	270241823	254/8 tổ 3, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6090	Nguyễn Thị Thơ		01/01/31	272369921	Tổ 7, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6091	Nguyễn Thị Tinh		01/02/38	272101052	ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6092	Nguyễn Thị Tý		01/01/39	270235268	tổ 2 ấp Rạch Chiếc	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6093	Nguyễn Thị Tý		01/01/36	279752142	Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6094	Nguyễn Thị Xích		01/01/37	270229775	tổ 6 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6095	Nguyễn Thị Xuân		01/01/32	270235614	Tổ 12 Ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6096	Nguyễn Thị Xuyên		02/08/36	270242097	tổ 3 ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6097	Nguyễn Thị Xuyên		01/01/29	270235392	112/5 tổ 8 khu chung cư, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6098	Nguyễn Văn Bảo	01/01/24		270148895	8 tổ 3, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6099	Nguyễn Văn Cẩm	01/01/36		270229698	tổ 4, ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6100	Nguyễn Văn Chánh	01/01/30		270241897	296 tổ 4, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6101	Nguyễn Văn Đệ	01/01/32		270228069	919 tổ 16, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6102	Nguyễn Văn Hai	12/11/38		272195011	tổ 18 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6103	Nguyễn Văn Hậu	01/01/30		270242098	59 tổ 7, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6104	Nguyễn Văn Huỳnh	05/01/38		170727099	tổ 17 ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6105	Nguyễn Văn Mai	01/01/33		270754958	131 tổ 1, Ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6106	Nguyễn Văn Ne	01/01/37		270234082	ấp Rạch Chiềc	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6107	Nguyễn Văn Nhu	01/01/34		270229511	Tổ 2, ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6108	Nguyễn Văn Nhung	10/20/39		272463883	tổ 19 kp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6109	Nguyễn Văn Ninh	01/01/32		130659045	173 Tổ 8 Ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6110	Nguyễn Văn Tăng	01/01/24		270229577	16, tổ 6, Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6111	Nguyễn Văn Tông	01/01/32		270241835	189 tổ 5, khu Tinh Thương, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6112	Nguyễn Văn Trăm	01/01/39		270234130	tổ 1 ấp Rạch Chiềc	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6113	210	Nguyễn Văn Tri	06/10/34		Tổ 8 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6114	211	Nguyễn Viết Đường	01/01/31		20 tổ 8, Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6115	212	Phạm Đình Bảng	01/01/22		Tập thể Thiện viện Phước Sơn	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6116	213	Phạm Đình Hóa	01/01/36		Áp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6117	214	Phạm Kim Cẩm		01/01/40	kp Rạch Chiếc	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6118	215	Phạm Liêm	01/01/30		26 tổ 21 Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6119	216	Phạm Ngọc Bích		01/01/36	tổ 29 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6120	217	Phạm Thế	02/20/39		tổ 28A ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6121	218	Phạm Thị Bé		01/01/37	tổ 4 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6122	219	Phạm Thị Bình		01/01/30	501,Tổ 6 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6123	220	Phạm Thị Đây		01/01/25	1392A tổ 21C, Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6124	221	Phạm Thị Đón		01/01/36	tổ 12 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6125	222	Phạm Thị Hoa		01/01/40	tổ 3B kp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6126	223	Phạm Thị Liên		08/20/34	tổ 6, ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết T4/2020
6127	224	Phạm Thị Lụa		01/01/33	162 tổ 5, khu Chung cư, ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6128	225	Phạm Thị Minh		06/10/38	ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6129	226	Phạm Thị Mùi		01/01/25	Tổ 13, ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6130	227	Phạm Thị Thái		01/01/39	tổ 13 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6131	228	Phạm Văn Huân	07/01/37		tổ 8, ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6132	Phan Huệ	01/01/32		272386939	Ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6133	Phan Thị Phương		01/01/34	272437433	Tổ 18, ấp Vườn Đừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6134	Phan Thị Rich		01/01/36	270228160	Tổ 19, Ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6135	Phan Thị Xuyên		01/01/30	271647565	Thiền viện Phước Sơn,tổ 6,Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6136	Phan Văn Đối	01/01/30		272616070	Tổ 29 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6137	Phùng Thị Cẩn		01/01/32		tổ 15 ấp Vườn Đừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6138	Phùng Thị Hiền		01/01/40	272086398	tổ 2 kp Đồng Đừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6139	Sái Thị Năm		01/01/35	270241680	tổ 1 khu Nùng Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6140	Sù A Thù	01/01/25		270031792	Tổ 1, khu Nùng, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6141	Tô Thị Long		02/20/28	272066732	tổ 12 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6142	Tôn Văn Tổng	01/01/40		270111689	tổ 1 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6143	Trần An	01/01/29		272086126	562 tổ 16, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6144	Trần Đình Tân	01/01/36		270235423	tổ 4 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6145	Trần Đức Tầy	10/10/38		272086744	tổ 21 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6146	Trần Hữu Trung	01/01/33		272600537	27 tổ 17 ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6147	Trần Kim Tuệ	01/01/28		270235363	Tổ 6, Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6148	Trần Kim Tuyến	01/01/30		271125356	195 tổ 5, khu Tinh Thương, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6149	Trần Liêm	01/03/35		272101358	ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6150	Trần Quốc Khánh	12/20/37			tổ 4 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6151	Trần Thị Ánh		05/12/35	270147772	ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6152	Trần Thị Bông		01/01/37	270228382	ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6153	Trần Thị Bút			272965086	tổ 8A ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6154	Trần Thị Côi		01/01/27	270229610	Tổ 6, ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6155	Trần Thị Hinh		01/01/30	270235685	28, tổ 10, Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6156	Trần Thị Hương		09/10/39	270235578	kp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6157	Trần Thị Khanh		01/01/37	272794259	tổ 20a ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6158	Trần Thị Kính		01/01/29	270228985	781 tổ 12, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6159	Trần Thị Liên		01/01/39	024813419	tổ 26B ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6160	Trần Thị Loan		02/08/36	272795551	Tổ 24, Ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6161	Trần Thị Lư		01/01/34	272881428	tổ 3 Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6162	Trần Thị Mai		01/01/32	272446739	1981, Tổ 1, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6163	Trần Thị Miên		01/01/25	270978628	16, tổ 6, Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6164	Trần Thị Nga		01/01/37	272006445	833 tổ 12 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6165	Trần Thị Nhiều		07/15/37	272317241	tổ 3, ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6166	Trần Thị Nuôi		01/01/23	160489820	49, tổ 23, ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6167	Trần Thị Phụng		01/01/39	272779568	tổ 28D ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6168	Trần Thị Rốp		01/01/39	272623469	ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6169	Trần Thị Soi		01/01/33	270241997	Tổ 4, khu Tỉnh Thương, Ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6170	Trần Thị Thanh		01/01/35	270244038	tổ 4 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6171	Trần Thị Tư		01/01/29	271949601	205 tổ 10, ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6172	Trần Thị Tường		01/01/36	270241700	Tổ 3, Ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6173	Trần Thị Ty		01/01/38		tổ 5 ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6174	Trần Văn Cường	01/01/37		272535332	tổ 25 ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6175	Trần Văn Hàm	07/05/38		270235438	tổ 5 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6176	Trần Văn Phồn	01/01/30		270242048	Tổ 7, ấp Tân Lập, khu Tỉnh Thương	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6177	Trần Văn Trung	01/01/35		270452357	tổ 2 ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6178	Trần Văn Xuân	01/01/40		272101062	tổ 21 kp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6179	Triệu Thị Bập		01/01/37	272866281	tổ 20 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6180	Trịnh Đình Quang	01/01/33			Tổ 2, Ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6181	Trịnh Thị Huệ	01/01/37		270242053	tổ 3 ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6182	Trịnh Thị Mạch		01/01/32	170656502	1072A1 tổ 20B, Ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6183	Trịnh Thị Ngón		01/01/29	271371479	1396 tổ 22, ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
6184	Trịnh Thị Quế		01/01/33	360445898	1864, Tổ 27 ấp Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6185	Trương Thị Hồ		01/01/35	270235595	tổ 7 ấp Tân Mai	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6186	Trương Thị Như		01/01/37	272445500	tổ 13 ấp Miếu	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6187	Trương Văn Trăm	01/01/31		280261632	Tổ 4, khu Tỉnh Thương, Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6188	Văn Thị Sưa		07/03/37	270738374	tổ 16, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6189	Văng Thị Mạnh		01/01/33	272101712	Thiền viện Phước Sơn, tổ 4, Ấp Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6190	Võ Đình Thiên	01/01/34		271923995	Tổ 7, ấp Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6191	Võ Hóa	01/01/29		270244209	712 tổ 21, Hương Phước	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6192	Võ Quân	03/03/35		272006595	tổ 5 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6193	Võ Thị Em		01/01/32	272529757	184 tổ 24, Vườn Dừa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6194	Võ Thị Màng		01/01/37	270228545	tổ 2 ấp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6195	Võ Thị Phi		01/01/31	270132578	Tổ 2, khu Chung cư	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6196	Võ Thị Thơ		01/01/29	270042477	Thiền viện Phước Sơn, tổ 4, Tân Cang	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6197	Vũ Đức Minh	05/15/34			tổ 5 ấp Tân Lập	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6198	Vũ Duy Nuôi	09/20/39		272688733	tổ 22 kp Đồng	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6199	Vũ Thanh Sơn	08/15/39		270431650	tổ 1 ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6200	Vũ Thị Bích		01/01/36	272763740	ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6201	Vũ Thị Chút		01/01/39	272078133	ấp Tân Mai 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6202	Vũ Thị Đủ		01/01/27	270241981	293 tổ 4, khu Chung cư	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	